

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN HÓA HỌC 8 NĂM HỌC 2021-2022**1. Đề cương ôn tập giữa HK1 môn Hóa học 8****ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN HÓA HỌC 8
NĂM HỌC 2021-2022****1. KIẾN THỨC CẦN NẮM****Chương I: Chất - Nguyên tử - phân tử****1.1. Khái niệm:**

- Nguyên tố hóa học.
- Kí hiệu hóa học.
- Đơn chất, hợp chất – Phân tử.
- Nguyên tử khối, phân tử khối.

1.2. Các bước xác định tên NTHH, KHHH tạo nên chất khi biết PTK.

- Tính phân tử khối của hợp chất.
- Tính hóa trị của nguyên tố khi biết CTHH.
- Xác định công thức hóa học đúng hoặc sai.
- Lập CTHH của hợp chất theo hóa trị

1.3. Cách tiến hành thí nghiệm và hiện tượng trong bài thực hành số 1.**2. LUYỆN TẬP****2.1. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Thành phần cấu tạo của nguyên tử gồm các loại hạt là

- A. proton, notron
- B. proton, electron
- C. proton, notron, electron
- D. notron, electron

Câu 2: Dãy chất nào sau đây chỉ gồm công thức hóa học của các hợp chất:

- A. CaCO_3 , NaOH , Fe , NaCl
- B. FeCO_3 , NaCl , H_2SO_4 , NaOH
- C. NaCl , H_2O , H_2 , NaOH
- D. HCl , NaCl , O_2 , CaCO_3

Câu 3: Dãy các chất khí đều nặng hơn không khí là:

- A. SO_2 , Cl_2 , H_2S
- B. N_2 , CO_2 , H_2
- C. CH_4 , H_2S , O_2
- D. Cl_2 , SO_2 , N_2

Câu 4: Một mol nguyên tử Nhôm có chứa bao nhiêu nguyên tử nhôm:

- A. 56 nguyên tử
- B. $3 \cdot 10^{23}$ nguyên tử
- C. 12 nguyên tử
- D. $6 \cdot 10^{23}$ nguyên tử

Câu 5: Hợp chất X tạo bởi 2 nguyên tố Fe và O, trong đó nguyên tố oxi chiếm 30% về khối lượng trong hợp chất. Công thức hóa học của X là

- A. Fe_3O_4
- B. Fe_2O_3
- C. FeO
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 6: Dãy chất nào sau đây chỉ gồm công thức hóa học của các đơn chất:

- A. CaCO_3 , NaOH, Fe, H_2
- B. FeCO_3 , NaCl, H_2SO_4 , H_2O
- C. NaCl, H_2O , H_2 , N_2
- D. H_2 , Na, O_2 , N_2 , Fe

Câu 7: Dãy các chất khí đều nhẹ hơn không khí là:

- A. CO_2 , O_2 , H_2S , N_2
- B. N_2 , CH_4 , H_2 , C_2H_2
- C. CH_4 , H_2S , CO_2 , C_2H_4
- D. Cl_2 , SO_2 , N_2 , CH_4

Câu 8: Phân tử khối của H_2SO_4 và H_3PO_4 lần lượt sẽ là:

- A. 94 đvC ; 98 đvC
- B. 98 đvC ; 98 đvC
- C. 96 đvC ; 98 đvC
- D. 98 đvC ; 100 đvC

Câu 9: Biết Al có hóa trị III, chọn công thức hóa học đúng trong các công thức sau:

- A. $\text{Al}_3(\text{SO}_4)_2$
- B. AlSO_4
- C. Al_2SO_4
- D. $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$

Câu 10: Cho sơ đồ phản ứng sau: $\text{Al} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{Al}_x(\text{SO}_4)_y + \text{Cu}$

Các chỉ số x, y lần lượt là:

- A. 3, 2
- B. 2, 3
- C. 1, 2

D. 1,1

Các hệ số cân bằng trong phương trình lần lượt là:

A. 1,2,1,2

B. 3,2,1,2

C. 1,1,1,1

D. 2,3,1,3

Câu 211: Hóa trị II của Fe ứng với CTHH nào sau đây:

A. FeO

B. Fe₃O₂

C. Fe₂O₃

D. Fe₃O₄

2.2. TỰ LUẬN

Câu 1: Xác định hóa trị của nguyên tử Nitơ trong các hợp chất sau đây: NO ; NO₂ ; N₂O₃ ; N₂O₅; NH₃

Câu 2: Lập CTHH của những hợp chất sau tạo bởi:

P (III) và O; N (III) và H; Fe (II) và O; Cu (II) và OH; Ca và NO₃; Ag và SO₄, Ba và PO₄; Fe (III) và SO₄, Al và SO₄; NH₄ (I) và NO₃

Câu 3: Hãy điền thông tin còn thiếu vào bảng sau:

Công thức hóa học	Đơn chất hay hợp chất	Số nguyên tử của mỗi nguyên tố	Phân tử khối
C ₆ H ₁₂ O ₆			
O ₃			
FeCl ₂			
Ca(OH) ₂			
CuSO ₄			
N ₂			

Câu 4: Dựa vào quy tắc hóa trị, hãy điền công thức hóa học thích hợp vào bảng sau

	Na (I)	Mg (II)	Al (III)	Cu (II)	H (I)	Ag (I)
OH (I)						
PO ₄ (III)						

Câu 5: Hợp chất A có phân tử gồm 1 nguyên tử của nguyên tố X kết hợp với 2 nguyên tử O. Biết phân tử hợp chất A nặng hơn phân tử khí oxi là 1,375 lần. Xác định CTHH của hợp chất A.

Câu 6: Câu hỏi liên hệ thực tế về tách chất ra khỏi hỗn hợp.

2. Đề thi giữa học kì 1

2.1. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 1

TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần 1: Câu hỏi trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1 : Cho các chất có công thức hóa học sau đây: Fe, Al(OH)₃, KMnO₄, Cl₂, N₂, KCl, MgSO₄. Số đơn chất là:

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 2 : Công thức hóa học giữa Fe (III) và O là:

- A. FeO
- B. Fe₂O₃
- C. Fe₃O₄
- D. Fe₂O₂

Câu 3 : Bari có hóa trị II. Chọn công thức sai

- A. BaSO₄
- B. BaO
- C. BaCl
- D. Ba(OH)₂

Câu 4 : Hạt nhân được cấu tạo bởi:

- A. Notron và electron
- B. Proton và electron
- C. Proton và notron
- D. Electron

Câu 5 : Nguyên tố cacbon (C) là tập hợp những nguyên tố có cùng

- A. 6 hạt nhân
- B. 12 hạt proton
- C. 12 hạt electron
- D. 6 hạt proton

Câu 6 : So sánh nguyên tử canxi (Ca) và nguyên tử sắt (Fe) ta thấy:

- A. Nguyên tử Ca nặng hơn nguyên tử Fe 1,4 lần
- B. Nguyên tử Fe nặng hơn nguyên tử Ca 1,4 lần
- C. Nguyên tử Ca nặng hơn nguyên tử Fe 0,7 lần
- D. Nguyên tử Ca nhẹ hơn nguyên tử Fe 0,7 lần

Câu 7 : Dấu hiệu nào sau đây cho ta thấy có phản ứng hóa học

- A. Có chất kết tủa (không tan)
- B. Có chất khí bay lên
- C. Có sự biến đổi màu sắc
- D. Tất cả dấu hiệu trên

Câu 8 : Tính phân tử khối của CH_3COOH

- A. 60
- B. 61
- C. 59
- D. 70

Câu 9 : Hợp chất $\text{Al}_x(\text{SO}_4)_3$ có phân tử khối là 342 đvC. Giá trị x là

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 10 : Nguyên tử Fe có hóa trị II trong công thức nào

- A. FeO
- B. Fe_2O_3
- C. Fe
- D. FeCl_3

Câu 11 : Trong nguyên tử, hạt nào sau đây mang điện tích âm?

- A. Electron
- B. Proton
- C. Notron
- D. Electron và Notron

Câu 12 : Trong các chất sau hãy cho biết dãy nào chỉ gồm toàn đơn chất?

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, NO, C, S
- B. Mg, K, S, C, N_2
- C. Fe, NO_2 , H_2O
- D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, KCl, HCl

Phần 2. Tự luận (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm) : Viết công thức hóa học và tính thành phân tử khối của các hợp chất sau:

- a) Axit sunfuric, biết phân tử có 2H, 1S, 4O
- b) Kali penmanganat, biết phân tử có 1K, 1Mn, 4O

Câu 2 (2 điểm) :

- a) Xác định hóa trị của N trong N_2O_5
- b) Lập công thức hóa học của hợp chất gồm Ba (II) và nhóm PO_4 (III)

Câu 3 (2 điểm) : Một hợp chất A có phân tử gồm 1 nguyên tử X và 3 nguyên tử Y. Tỷ lệ khối lượng X, Y là $m_x:m_y = 2: 3$. Phân tử khối của hợp chất A là 80 đvC. Xác định công thức hóa học của hợp chất A.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Phần 1: Trắc nghiệm

1. A	2. B	3. C	4. C	5. D	6. B
7. D	8. A	9. B	10. A	11. A	12. B

Câu 1 : Các đơn chất là: Fe, Cl₂, N₂

Câu 2 : Fe (III) và O(II)

Gọi công thức hóa học giữa Fe và O là Fe_xO_y

III. $x = II. y \rightarrow x/y = 2/3 \rightarrow Fe_2O_3$

Câu 3 : C sai vì Cl hóa trị I \Rightarrow Công thức đúng: BaCl₂

Câu 6 : $M_{Ca} = 40$ đvC, $M_{Fe} = 56$

\Rightarrow Nguyên tử Fe nặng hơn nguyên tử Ca số lần là : $56: 40 = 1,4$ (lần)

Câu 8 : Phân tử khối của CH₃COOH = $12.2 + 16.2 + 4.1 = 60$

Câu 9 : Phân tử khối Al_x(SO₄)₃ là 342

$\Rightarrow 27.x + (32 + 16.4).3 = 342 \Rightarrow x = 2 \Rightarrow Al_2(SO_4)_3$

Câu 10 : Trong FeO vì O hóa trị II \Rightarrow Fe hóa trị II

Phần 2. Tự luận

Câu 1 :

a) H₂SO₄, phân tử khối H₂SO₄ = $2 + 32 + 16.4 = 98$ đvC

b) KMnO₄, phân tử khối KMnO₄ = $39 + 55 + 16.4 = 158$ đvC

Câu 2 :

a) Nitơ trong N₂O₅

Gọi hóa trị của Nitơ trong hợp chất là x:

Ta có hóa trị của O (II)

Theo quy tắc hóa trị.

$2. x = 5.II \Rightarrow x = 5$ (V). Vậy N có hóa trị bằng V trong hợp chất N₂O₅

b) Lập công thức hóa học của hợp chất gồm Ba (II) và nhóm PO₄ (III)

Công thức hóa học dạng: Bax(PO₄)_y

Theo quy tắc hóa trị: $x.II = y.III \Rightarrow x : y = III : II = 3/2$

\Rightarrow Chọn $x = 3, y = 2$

Vậy công thức hóa học là Ba₃(PO₄)₂

Câu 3 :

Phân tử A gồm 1 nguyên tử X và 3 nguyên tử Y \Rightarrow Công thức hóa học của A có dạng XY₃

Phân tử khối của hợp chất A là 80 đvC $\Rightarrow X + 3Y = 80$ (1)

Tỉ lệ khối lượng của X và Y là 2 : 3 $\Rightarrow X : 3Y = 2 : 3$ (2)

$X = 32$ (đvC) \Rightarrow X là S

$Y = 16$ (đvC) \Rightarrow Y là O

Công thức hóa học của A là SO_3

2.2. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần 1. (4 điểm) Trắc nghiệm

Câu 1 : Chất tinh khiết là:

- A. Có tính chất thay đổi
- B. Có lẫn thêm vài chất khác
- C. Gồm những phân tử đồng dạng
- D. Không lẫn tạp chất

Câu 2 : Phương pháp lọc dùng để tách 1 hỗn hợp gồm:

- A. Nước với cát.
- B. Muối ăn với đường.
- C. Rượu với nước.
- D. Muối ăn với nước.

Câu 3 : Nguyên tử R có 3 lớp e, lớp ngoài cùng có 3e. Vậy tổng số electron của nguyên tử R là:

- A. 3
- B. 11
- C. 13
- D. 23

Câu 4 : Vì sao khối lượng nguyên tử được coi bằng khối lượng hạt nhân. Chọn đáp án đúng

- A. Do proton và notron có cùng khối lượng còn electron có khối lượng rất bé
- B. Do số p = số e
- C. Do hạt nhân tạo bởi proton và notron
- D. Do notron không mang điện

Câu 5 : Cho nguyên tử khối của Bari là 137 . Tính khối lượng thực nguyên tố trên.

- A. $m_{\text{Ba}} = 2,2742 \cdot 10^{-22}$ g
- B. $m_{\text{Ba}} = 2,234 \cdot 10^{-24}$ g
- C. $m_{\text{Ba}} = 1,345 \cdot 10^{-23}$ kg
- D. $m_{\text{Ba}} = 2,7298 \cdot 10^{-21}$ g

Câu 6 : Cho biết CTHH hợp chất của nguyên tố X với Cl là XCl_2 , hợp chất của Y với O là Y_2O_3 . Vậy CTHH của hợp chất của X và Y là:

- A. X_2Y_3 .
- B. XY_2 .
- C. $_3Y_2$.
- D. X_2Y .

Câu 7 : Cho dãy chất được biểu diễn bằng công thức hóa học như sau: Cl_2 , Fe, NaOH, MgO, F_2 , Hg, AgCl, C_4H_8 , CH_3Cl . Số đơn chất trong dãy trên là

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 8 : Trong nguyên tử hạt nào mang điện tích dương

- A. electron
- B. notron
- C. proton
- D. proton và notron

Câu 9 : Khí nitơ tác dụng với khí hidro tạo thành khí amoniac NH_3 . Phương trình hóa học của phản ứng trên là:

- A. $N + 3H \rightarrow NH_3$
- B. $N_2 + 6H \rightarrow 2NH_3$
- C. $N_2 + 3H_2 \rightarrow 2NH_3$
- D. $N_2 + H_2 \rightarrow NH_3$

Câu 10 : Cho sắt vào trong bình đựng khí clo thu được sắt (III) clorua. Tổng hệ số các chất tham gia phản ứng là:

- A. 3
- B. 5
- C. 7
- D. 8

Câu 11 : Ta có một oxit tên CrO. Vậy muối của Crom có hóa trị tương ứng với oxit đó là:

- A. $CrSO_4$
- B. $CrCl_3$
- C. Cr_2O_3
- D. $Cr(OH)_2$

Câu 12 : Dãy chất nào dưới đây là phi kim

- A. Canxi, lưu huỳnh, photpho, nito

B. Bạc, lưu huỳnh, thủy ngân, oxi

C. Oxi, nito, photpho, lưu huỳnh

D. Cacbon, sắt, lưu huỳnh, oxi

Phần 2. (6 điểm) Tự luận

Câu 1 : Xác định công thức hóa học và tính phân tử khối của các hợp chất sau:

a) Axit photphoric có phân tử gồm 3H, 1P, 4O liên kết với nhau

b) Đường sacarozo có phân tử gồm 12C, 22H và 11O liên kết với nhau.

Câu 2 : Một hợp chất khí X có phân tử khối là 58 đvC, cấu tạo từ hai nguyên tố C và H. Biết trong X nguyên tố C chiếm 82,76% khối lượng. Tìm công thức hóa học của hợp chất khí Y

Câu 3 : Lập công thức hóa học và tính phân tử khối của các hợp chất tạo bởi một nguyên tố và nhóm nguyên tử sau: Fe (III) và nhóm (SO₄)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

1. D	2. A	3. C	4. A	5. A	6. C
7. B	8. C	9. C	10. B	11. A	12. C

Phần tự luận

Câu 1 :

a) H₃PO₄

Phân tử khối của H₃PO₄ = 3.1 + 31 + 16.4 = 98 đvC

b) C₁₂H₂₂O₁₁

Phân tử khối của C₁₂H₂₂O₁₁ = 12.12 + 22 + 16.11 = 342 đvC

Câu 2 :

Gọi công thức hóa học của chất khí Y có dạng C_xH_y (x,y: nguyên dương)

Phần trăm khối lượng nguyên tố C trong C_xH_y bằng:

$$82,76\% = (x.12.100\%) : 58 \Rightarrow x = 4$$

Phân tử khối của C_xH_y = x.C + y.H = 58 (đvC)

$$\Rightarrow 4.12 + y.1 = 58 \Rightarrow y = 10$$

Vậy công thức hóa học của hợp chất khí trên là: C₄H₁₀

Câu 3 :

Công thức hóa học của hợp chất có dạng: Fe_x(SO₄)_y

Ta có:

$$x.III = y.II \Rightarrow x/y = II/III = 2/3 \Rightarrow x = 2; y = 3$$

Công thức hóa học của hợp chất là Fe₂(SO₄)₃

Phân tử khối = 2.56 + 32.3 + 16.4.3 = 400 đvC

2.3. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 3

TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 : Muối ăn có lẫn cát, để tách muối ăn ra khỏi cát em hãy chọn phương pháp thích hợp nhất:

- A. Hoà tan - làm bay hơi - lọc.
- B. Lọc - làm bay hơi.
- C. Chung cất.
- D. Hoà tan - lọc - làm bay hơi.

Câu 2 : Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ và (1)..... về điện. Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện tích dương và vỏ tạo bởi (2)..... mang (3).....”

- A. (1) trung hòa; (2) hạt nhân; (3) điện tích âm
- B. (1) trung hòa; (2) một hay nhiều electron; (3) không mang điện
- C. (1) không trung hòa; (2) một hạt electron; (3) điện tích dương
- D. (1) trung hòa; (2) một hay nhiều electron; (3) điện tích âm

Câu 3 : Vì sao khối lượng nguyên tử được coi bằng khối lượng hạt nhân. Chọn đáp án đúng

- A. Do proton và notron có cùng khối lượng còn electron có khối lượng rất bé
- B. Do số p = số e
- C. Do hạt nhân tạo bởi proton và notron
- D. Do notron không mang điện

Câu 4 : Chọn đáp án sai

- A. Số p là số đặc trưng của nguyên tố hóa học
- B. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tố cùng loại, có cùng số p trong hạt nhân
- C. $1\text{đvC} = 1/12\text{mC}$
- D. Silic là nguyên tố chiếm gần nửa khối lượng vỏ trái đất

Câu 5 : Trong số các công thức hóa học sau: O_2 , N_2 , Al, Al_2O_3 , H_2 , AlCl_3 , H_2O , P.

Số đơn chất là

- A. 4
- B. 3
- C. 5
- D. 6

Câu 6 : $3\text{H}_2\text{O}$ nghĩa là như thế nào

- A. 3 phân tử nước
- B. Có 3 nguyên tố nước trong hợp chất
- C. 3 nguyên tố oxi
- D. Tất cả đều sai

Câu 7 : Chọn công thức đúng trong của Ba và PO_4 :

- A. $\text{Ba}_2(\text{PO}_4)_4$.
- B. $\text{Ba}_3(\text{PO}_4)_2$.
- C. Ba_3PO_4 .
- D. BaPO_4 .

Câu 8 : Cho các hợp chất sau SO_3 , N_2O_5 hoá trị của S và N trong các hợp chất trên lần lượt là:

- A. VI và V.
- B. I và V.
- C. VI và II.
- D. IV và III.

Câu 9 : Hợp chất $\text{Al}_x(\text{SO}_4)_3$ biết Al hóa trị III. Tìm giá trị của x.

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 10 : Hiện tượng nào dưới đây không phải là hiện tượng hóa học?

- A. Khi đánh diêm có lửa bắt cháy
- B. Đốt cháy mẫu Magie cháy thành ngọn lửa sáng
- C. Trứng bị thối
- D. Mực hòa tan vào nước

Câu 11 : Chọn đáp án đúng nhất

- A. Trong mỗi nguyên tử, số p = số e
- B. Hạt nhân tạo bởi proton và electron
- C. Electron không chuyển động quanh hạt nhân
- D. Nguyên tử bao gồm 2 loại hạt là proton và electron

Câu 12 : Phân tử khối của CuO , CaCl_2 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ lần lượt là:

- A. 80 đvC, 95 đvC, 148 đvC
- B. 46 đvC, 95 đvC, 86 đvC
- C. 80 đvC, 111 đvC, 148 đvC
- D. 72 đvC, 111 đvC, 86 đvC

Câu 13 : Cho kim loại M tạo ra hợp chất MCO_3 . Biết phân tử khối là 84. Xác định kim loại M

- A. Magie
- B. Đồng
- C. Sắt
- D. Bạc

Câu 14 : Cặp chất nào dưới đây có cùng phân tử khối?

- A. CO_2 và CH_4
- B. C_2H_4 và N_2
- C. CO_2 và C_{26}
- D. CO và 4

Câu 15 : Nguyên tử R có 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron. Vậy tổng số electron của nguyên tử R là:

- A. 3
- B. 11
- C. 13
- D. 23

Câu 16 : Cho biết CTHH hợp chất của nguyên tố X với Cl là XCl_2 , hợp chất của Y với O là YO. Vậy CTHH của hợp chất của X và Y là:

- A. X_2Y_3 .
- B. XY.
- C. X_3Y_2 .
- D. X_2Y .

Câu 17 : Cho Fe vào trong bình đựng khí clo thu được sắt (III) clorua. Tổng hệ số các chất trong phương trình phản ứng là:

- A. 3
- B. 5
- C. 7
- D. 8

Câu 18 : So sánh nguyên tử canxi (Ca) và nguyên tử đồng (Cu) ta thấy:

- A. Nguyên tử Ca nặng hơn nguyên tử Cu 1,6 lần
- B. Nguyên tử Cu nặng hơn nguyên tử Ca 1,6 lần
- C. Nguyên tử Ca nặng hơn nguyên tử Cu 0,625 lần
- D. Nguyên tử Cu nặng hơn nguyên tử Ca 0,625 lần

Câu 19 : Tính phân tử khối của $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$ là

- A. 342
- B. 298
- C. 270
- D. 252

Câu 20 : Muối X có công thức hóa học là MSO_4 , trong đó M chiếm 20% về khối lượng. Kim loại M là:

- A. Ca
- B. Mg
- C. Cu

D. Al

Câu 21 : Một oxit có công thức hóa học M_2O_3 . Trong X, oxi chiếm 30% về khối lượng. M là:

A. Al

B. Fe

C. P

D. N

Câu 22 : Nguyên tố X có nguyên tử khối bằng 4 lần nguyên tử oxi. X là nguyên tố

A. Fe

B. Cu

C. Ca

D. Mg

Câu 23 : Nguyên tử Fe có hóa trị II trong công thức nào

A. Fe_2O_3

B. $FeCl_3$

C. $Fe_2(SO_4)_3$

D. $FeSO_4$

Câu 24 : Hóa trị của Mn trong MnO_2 là:

A. II

B. III

C. IV

D. VI

Câu 25 : Hợp chất A tạo bởi hai nguyên tố là nitơ và oxi. Thực nghiệm xác định được tỉ lệ khối lượng giữa hai nguyên tố trong A bằng $m_N:m_O = 7:20$. Phân tử khối của A là 108 đvC. Công thức hóa học của A là:

A. NO_2

B. N_2O

C. N_2O_5

D. N_2O_3

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

1. D	2. D	3. A	4. D	5. C
6. A	7. B	8. A	9. B	10. D
11. A	12. C	13. A	14. B	15. B
16. B	17. C	18. B	19. A	20. B
21. B	22. B	23. D	24. C	25. C

2.4. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 4

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THIẾP**ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: HÓA HỌC 8****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****Hãy khoanh tròn vào đầu chữ cái đứng trước cho câu trả lời đúng****Câu 1 :** Dãy chất nào dưới đây đều là hỗn hợp

- A. Không khí, nước mưa, khí oxi
- B. Khí hidro, thủy tinh, nước cất
- C. Khí cacbonic, cafe sữa, nước ngọt
- D. Nước đường, sữa, nước muối

Câu 2 : Hạt nhân được cấu tạo bởi:

- A. Notron và electron
- B. Proton và electron
- C. Proton và notron
- D. Electron

Câu 3 : Cho nguyên tố O có nguyên tử khối là 16, Mg là 24. Nguyên tử nào nặng hơn

- A. Mg nặng hơn O
- B. Mg nhẹ hơn O
- C. O bằng Mg
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 4 : Nguyên tố nào phổ biến nhất trên Trái Đất

- A. Cacbon (than)
- B. Oxi
- C. Sắt
- D. Silic

Câu 5 : Cho nguyên tử của nguyên tố R có 12 proton. Chọn đáp án đúng

- A. R là nguyên tố Mg
- B. Nguyên tử khối của R là 12
- C. Số electron là 24
- D. Có 12 nguyên tử

Câu 6 : Chọn đáp án sai trong các câu dưới đây

- A. Cacbon đioxit được cấu tạo từ 1 nguyên tố C và 2 nguyên tố O
- B. Nước là hợp chất
- C. Muối ăn không có thành phần clo
- D. Có 2 loại hợp chất là vô cơ và hữu cơ

Câu 7 : Dãy chất nào dưới đây đều là kim loại

- A. Canxi, lưu huỳnh, photpho, sắt
- B. Bạc, lưu huỳnh, thủy ngân, đồng
- C. Đồng, sắt, bạc, kẽm
- D. Cacbon, sắt, bạc, nhôm

Câu 8 : Nguyên tố X có nguyên tử khối bằng 6,75 lần nguyên tử của oxi. X là nguyên tố nào sau đây

- A. Fe
- B. Cu
- C. Ag
- D. Hg

Câu 9 : Nguyên tố X có hóa trị III, công thức hóa học đúng của hợp chất tạo bởi nguyên tố X và nhóm (CO_3) là

- A. $\text{X}_2(\text{CO}_3)_3$
- B. XCO_3
- C. X_2CO_3
- D. $\text{X}(\text{CO}_3)_3$

Câu 10 : Cho các chất có công thức hóa học sau đây: Cu, $\text{Al}(\text{OH})_3$, NaClO_3 , N_2 , KHCO_3 . Số đơn chất là:

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 11 : Phân tử M_2O nặng hơn phân tử Hidro 47 lần. Nguyên tử khối của M bằng:

- A. 23
- B. 39
- C. 40
- D. 24

Câu 12 : Nguyên tố Natri (Na) là tập hợp những nguyên tử có cùng

- A. 11 hạt nhân
- B. 6 hạt electron
- C. 6 hạt proton
- D. 11 hạt proton

Câu 13 : Trong các chất sau hãy cho biết dãy nào chỉ gồm toàn đơn chất?

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, NO, C, S
- B. Mg, K, S, C, N_2
- C. Fe, NO_2 , H_2O

D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, KCl , HCl

Câu 14 : Phân tử khối của CH_4 , $\text{Mg}(\text{OH})_2$, KCl lần lượt là:

A. 16 đvC, 74,5 đvC, 58 đvC

B. 74,5 đvC, 58 đvC, 16 đvC

C. 17 đvC, 58 đvC, 74,5 đvC

D. 16 đvC, 58 đvC, 74,5 đvC

Câu 15 : Từ công thức hóa học của CuSO_4 có thể suy ra được những gì

A. CuSO_4 do 3 nguyên tố Cu, O, S tạo nên

B. Có 3 nguyên tử oxi trong phân tử

C. Phân tử khối là 96 đvC

D. Tất cả đáp án

Câu 16 : Cho kim loại M tạo ra hợp chất MSO_4 . Biết phân tử khối là 120. Xác định kim loại M

A. Magie

B. Đồng

C. Sắt

D. Bạc

Câu 17 : Cho công thức hoá học của sắt (III) oxit là Fe_2O_3 , hiđro clorua là HCl . CTHH đúng của sắt (III) clorua là:

A. FeCl_2 .

B. FeCl .

C. FeCl_3 .

D. 2Cl .

Câu 18 : Cho hóa trị của S là IV, chọn CTHH đúng trong các CTHH sau:

A. SO_2 .

B. S_2O_3 .

C. S_2O_2 .

D. SO_3

Câu 19 : Lập công thức hoá học của các hợp chất biết P(V) và O

A. P_2O_5 .

B. P_2O_3 .

C. P_2O_4 .

D. PO_4 .

Câu 20 : Cặp chất nào dưới đây có cùng phân tử khối?

A. N_2 và CH_4

B. C_2H_4 và N_2

C. CO_2 và C_{26}

D. CO và C₂H₂

Câu 21 : Nguyên tử của nguyên tố X có tổng số hạt proton, electron và notron là 28, số hạt không mang điện chiếm 35,7%. Số hạt proton và notron trong X lần lượt là:

- A. 9 và 10
- B. 10 và 8
- C. 10 và 9
- D. 8 và 12

Câu 22 : Hợp chất Ag_xPO₄, biết Ag hóa trị I. Giá trị x là

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 23 : Một nguyên tử có tổng số hạt là 52, trong đó số proton là 17, số electron và số notron lần lượt là :

- A. 18 và 17
- B. 19 và 16
- C. 16 và 19
- D. 17 và 18

Câu 24 : Chọn công thức đúng của hợp chất giữa Ca và PO₄

- A. Ca₂PO₄
- B. CaPO₄
- C. Ca₃(PO₄)₂
- D. Ca(PO₄)₂

Câu 25 : Trong hợp chất của nguyên tố M hóa trị II với nguyên tố oxi thì M chiếm 80% về khối lượng trong hợp chất. Nguyên tố M là:

- A. Al
- B. Zn
- C. Cu
- D. Ca

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4

1. D	2. C	3. A	4. B	5. A
6. A	7. C	8. C	9. A	10. B
11. B	12. D	13. B	14. D	15. A
16. A	17. C	18. A	19. A	20. B
21. A	22. C	23. D	24. C	25. C

2.5. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 5**TRƯỜNG THCS LONG SƠN****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: HÓA HỌC 8****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****I/ phần trắc nghiệm:(3điểm)*****Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước cho câu trả lời đúng (mỗi câu đúng 0,5đ):****Câu 1:** Trong các dãy chất sau dãy nào toàn là **đơn chất**?

- A. $H_2, O_2, Na.$ B. $CaO, CO_2, ZnO.$ C. $H_2NO_3, H_2CO_3, H_2SO_4.$ D. $Na_2SO_4, K_2SO_4,$
 $CaCO_3.$

Câu 2: Trong các dãy chất sau dãy nào toàn là **hợp chất**?

- A. $C, H_2, Cl_2, CO_2.$ B. $H_2, O_2, Al, Zn;$ C. $CO_2, CaO, H_2O;$ D. $Br_2, HNO_3, NH_3.$

Câu 3: Biết Al có hóa trị (III) và O có hóa trị (II) **nhôm oxit có công thức hóa học là:**

- A. Al_2O_3 B. Al_3O_2 C. AlO_3 D. Al_2O

Câu 4: Quá trình nào sau đây là **xảy hiện tượng hóa học**:

- A. Muối ăn hòa vào nước.
B. Đường cháy thành than và nước
C. Cồn bay hơi
D. Nước dạng rắn sang lỏng

Câu 5: Công thức nào tính **thể tích khí ở (đktc)**;

- A. $m = n \times M.$
B. $d = MA/MB$
C. $V = n \times 22,4l$

Câu 6: Phân tử khối của hợp chất $CaCO_3$ là:

- A. 70 g/mol B. 80 g/mol C. 90 g/mol D. 100
g/mol

II/ phần tự luận:**Câu 1:** - Hoàn thành phương trình hóa học và cho biết tỉ lệ của các chất trong phản ứng sau:

- a. $Na + O_2 \rightarrow Na_2O.$
b. $CaCO_3 \rightarrow CaO + CO_2.$
c. $Mg + Fe_2(SO_4)_3 \rightarrow MgSO_4 + Fe$

Câu 2:

- Đốt cháy hoàn toàn 6 gam Magie (Mg) trong oxi thu được Magie oxit (MgO).

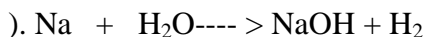
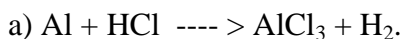
Tính khối lượng của Magie oxit (MgO) thu được?

A. CO₂ B. H₂ C. CH₄, D. ,N₂

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2 đ) Nêu định luật bảo toàn khối lượng. Viết biểu thức tổng quát.

Bài 2. (2 đ). Lập phương trình hóa học cho các sơ đồ sau?



Bài 3. Tìm số mol các chất sau :

a, 32 g O₂ ,

b. 17,4 g K₂SO₄ ,

c. 5,6 lít khí CO₂ (đktc)

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 6

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

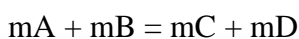
Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	C	B	A

Phần II: Tự luận (7 điểm)

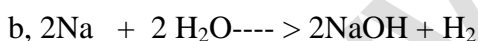
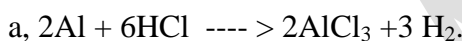
Câu 1: **Định luật bảo toàn khối lượng:**

“Trong một phản ứng hóa học, tổng khối lượng của các sản phẩm bằng tổng khối lượng của các chất tham gia phản ứng”.

Giả sử có phản ứng giữa chất A và chất B tạo ra chất C và chất D, ta có:



Câu 2:



câu 3:

a) $n = 32/32 = 1 \text{ mol}$

b) $n = 17,4/ 174 = 0,1 \text{ mol}$

c) $V = n/22,4 = 5,6/22,4 = 0,25 \text{ mol}$

2.7. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 7

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 8

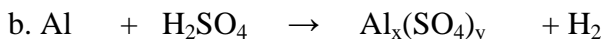
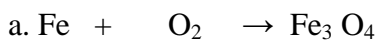
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1:

a) Phát biểu và viết quy tắc hóa trị?

b) Vận dụng: Lập CTHH của hợp chất tạo bởi: Na và O; Fe(III) và nhóm SO₄

Câu 2: Hoàn thành các phương trình hóa học sau (có xác định chỉ số x,y) và cho biết tỉ lệ các chất có trong phương trình hóa học ?



Câu 3: Viết CTHH và gọi tên các axit, bazơ tương ứng sau:

Oxit	Axit tương ứng	Bazơ tương ứng	Tên gọi
SiO_2			
P_2O_5			
Fe_2O_3			
MgO			

Câu 4: Cho 6,5 g kim loại kẽm phản ứng với 7,3 gam axit clohidric HCl thu được 13,6 gam muối kẽmClorua (ZnCl_2) và a gam khí Hidro(H_2).

- Dấu hiệu nào cho thấy có phản ứng hóa học xảy ra?
- Viết sơ đồ phản ứng của phản ứng hóa học trên.
- Viết công thức khối lượng của phản ứng hóa học trên.
- Tính a.

Câu 5: Tính số nguyên tử, phân tử có trong:

- 0,5 mol nguyên tử sắt.
- 2 mol phân tử khí hidro.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 7

Câu 1: a. Trong công thức hóa học, tích của chỉ số và hóa trị của nguyên tố này bằng tích của chỉ số và hóa trị của nguyên tố kia.

Quy tắc hóa trị: $x \cdot a = y \cdot b$

b. Vận dụng:

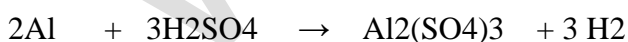
Lập CTHH đúng: Na_2O , $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$

Câu 2:



Tỉ lệ: 3: 2:1

b. Xác định : $x=2, y=3$



Tỉ lệ: 2:3:1:3

Câu 3: SiO_2 có axit tương ứng là H_2SiO_3 : axit silic

P_2O_5 có axit tương ứng là H_3PO_4 : axit photphoric

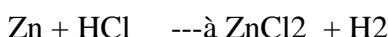
Fe_2O_3 có bazơ tương ứng là $\text{Fe}(\text{OH})_3$: sắt (III) hidroxit

MgO có bazơ tương ứng là $\text{Mg}(\text{OH})_2$: Magie hidroxit

Câu 4:

a. Dấu hiệu nhận biết có phản ứng hóa học xảy ra: có khí thoát ra

b. Sơ đồ phản ứng:



c. Công thức khối lượng:

mkẽm + maxit clohidric = mkẽm clorua + mhidro

d. tính a:

$$\text{mhidro} = (\text{mkẽm} + \text{maxit clohidric}) - \text{mkẽm clorua} = (6,5 + 7,3) - 13,6 = 0,2(\text{g})$$

Câu 5: Số nguyên tử sắt: $0,5 \cdot 6 \cdot 10^{23} = 3 \cdot 10^{23}$ (nguyên tử)

Số phân tử hidro: $2 \cdot 6 \cdot 10^{23} = 12 \cdot 10^{23}$ (phân tử)

2.8. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 8

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Ghi ra giấy thi chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1: Hợp chất $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ có tên là:

- A. Nhôm (III) sunfate. B. Nhôm (II) sunfate. C. Nhôm sunfate. D. Nhôm sunfit

Câu 2: Dãy chất nào sau đây chỉ gồm các hợp chất?

- A. Cl_2 ; Na_2SO_4 ; Na B. O_2 ; Ca; NaCl C. NaCl; HCl; CaO D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$; P; Fe

Câu 3: Nguyên tố nào là nguyên tố phổ biến nhất (%) trong trái đất

- A. Zn B. N C. O D. Al

Câu 4: Muốn tính thể tích chất khí ở đktc, ta dùng công thức nào sau đây?

- A. $V = 22,4 \cdot n$ B. $V = 22,4 \cdot m$ C. $V = 24 \cdot n$ D. $V = 22,4 \cdot M$

Câu 5. Có PTHH: $4\text{Na} + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{Na}_2\text{O}$. Tỷ lệ số nguyên tử, số phân tử trong phương trình hóa học là:

- A. 1 : 2 : 1 B. 4 : 1 : 2. C. 2 : 2 : 2. D. 4 : 2 : 1

Câu 6. Cho công thức hoá học của Sắt(III)oxit Fe_2O_3 thành phần % theo khối lượng của Fe là:

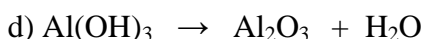
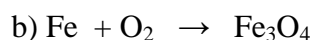
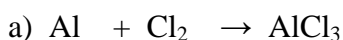
- A. 30% B. 50% C. 70% D. 90%

II. Phần tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

1. Nêu quy tắc hoá trị. Vận dụng quy tắc tính hoá trị của Fe trong hợp chất FeCl_3 . Biết Cl có hoá trị I.

2. Cân bằng các PT hóa học sau.



Câu 2. (2,0 điểm) Để chế tạo mỗi quả pháo bông nhằm phục vụ cho các chiến sĩ biên phòng giữ gìn biên giới hải đảo ở Quần đảo Trường Sa đón xuân về, người ta sử dụng hết 600 gam kim loại Magie (Mg), khi pháo cháy trong khí oxi (O_2) sinh ra 1000 gam Magie oxit (MgO).

- a) Viết công thức về khối lượng của phản ứng?
b) Tính khối lượng khí oxi (O_2) tham gia phản ứng?

Câu 3. (2,0 điểm) Hòa tan 6,5g kẽm Zn vào cốc chứa 14,6 g axit clohidric HCl.

- a) Viết phương trình phản ứng.
b) Cho biết sau phản ứng chất nào còn dư? Tính khối lượng chất dư?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 8

I. Trắc nghiệm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	C	A	B	C

II. Tự luận

Câu 1:

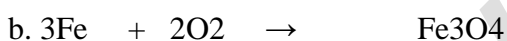
1. Gọi hoá trị của Fe là a

Ta có: $1x a = 3x I$

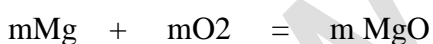
Suy ra: $a = III$

Vậy hoá trị của sắt trong hợp chất trên là III

2. Cân bằng các PT hóa học sau.



Câu 2:



$$600 + m_{O_2} = 1000 \Rightarrow m_{O_2} = 1000 - 600 = 400 \text{ gam}$$

Câu 3:



$$1 \quad 2 \text{ mol}$$

$$n_{Zn} = 6,5/65 = 0,1 \text{ mol}$$

$$n_{HCl} = 14,6/36,5 = 0,4 \text{ mol}$$

$$\text{Số mol HCl P/Ư} = 2 \cdot n_{Zn} = 2 \cdot 0,1 = 0,2 \text{ mol}$$

Sau P/Ư axit HCl còn dư, có khối lượng dư là

$$m_{HCl} = (0,4 - 0,2) \cdot 36,5 = 7,3 \text{ gam}$$

2.9. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 9

TRƯỜNG THCS PHAN HUY CHÚ

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2021-2022
MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM : (3 Điểm)

Câu 1: Khối lượng của 1 nguyên tử Cacbon là:

- a) $1,9926 \cdot 10^{-23}g$ b) 1,9926g c) $1,9926 \cdot 10^{-23}đvC$ d) 1,9926đvC.

Câu 2: Hiện tượng hoá học khác với hiện tượng vật lý là :

- a) Biến đổi về hình dạng. b) Có sinh ra chất mới.
c) Chỉ biến đổi về trạng thái. d) Khối lượng thay đổi.

Câu 3 : Trong 1 phản ứng hoá học các chất phản ứng và sản phẩm chứa cùng .

- a) Số nguyên tố tạo ra chất. b) Số phân tử của mỗi chất.
c) Số nguyên tử của mỗi nguyên tố. d) Số phân tử trong mỗi chất.

Câu 4 : Trong quá trình phản ứng, lượng chất phản ứng :

- a) Giảm dần b) Giữ nguyên . c) Tăng d) Cả a,b,c.

Câu 5: Số e lớp ngoài cùng của nguyên tử Al (có số proton =13) là:

- a) 1 b). 2 c) 3 d) 4.

Câu 6: Số lớp e của nguyên tử Al (có số proton =13) là:

- a) 1 b) 2 c) 3 d) 4.

Câu 7: Số e trong nguyên tử Al (có số proton =13) là:

- a) 10 b) 11 c) 12 d) 13.

Câu 8: Tỷ lệ % khối lượng của các nguyên tố Ca, C, O trong $CaCO_3$ lần lượt là:

- a) 40%; 40%; 20% b) 40%; 12%; 48% c) 10% ; 80% ; 10% d) 20% ; 40% ; 40%

Câu 9: Khối lượng của 1 đvC là:

- a) $1,6605 \cdot 10^{-24}g$ b) $6 \cdot 10^{23}g$ c) $1,6605 \cdot 10^{-23}g$ d) $1,9926 \cdot 10^{-23}g$

Câu 10: Trong hợp chất A_xB_y . Hoá trị của A là m, hoá trị của B là n thì quy tắc hoá trị là:

- a) $m \cdot A = n \cdot B$ b) $m \cdot x = n \cdot y$ c) $m \cdot n = x \cdot y$ d) $m \cdot y = n \cdot x$

B. PHẦN TỰ LUẬN : (7 Điểm)

Bài 1(2đ): Phát biểu nội dung định luật bảo toàn khối lượng.

Áp dụng : Nung 21,4g đá vôi ($CaCO_3$) sinh ra 12g vôi sống và khí cacbonic

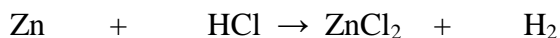
- a. Viết công thức về khối lượng.
b. Tính khối lượng khí cacbonic sinh ra.

Bài 2(2đ): Lập phương trình hóa học của các phản ứng sau:

- a. Sắt + Khí ôxi \rightarrow Sắt(III) ôxit.

b. Kali + Nước \rightarrow Kali hiđrôxit + Khí Hidrô

Bài 3(3đ): Cho 16 gam Kẽm tác dụng vừa đủ với axit Sunfuric theo phương trình



- Tính số mol Zn và lập phương trình phản ứng trên.
- Tính thể tích khí H₂ thoát ra (đktc).
- Tính khối lượng axit clohidric (HCl) đã dùng cho phản ứng trên.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 9

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Chọn và khoanh tròn vào chữ cái có phương án trả lời đúng nhất. Mỗi câu trả lời đúng 0.3đ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
a	b	c	b	c	b	d	b	a	b

B. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 : (2đ) Phát biểu đúng nội dung định luật bảo toàn khối lượng được

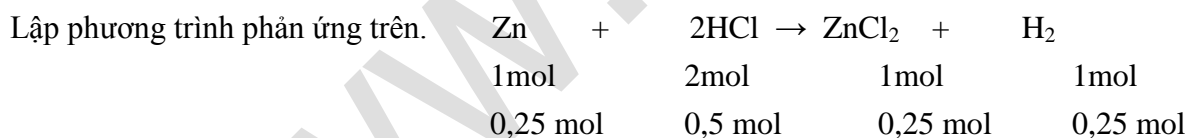
Áp dụng :

- $m_{\text{CaCO}_3} = m_{\text{CaO}} + m_{\text{CO}_2}$
- $m_{\text{CO}_2} = m_{\text{CaCO}_3} - m_{\text{CaO}} = 21,4 - 12 = 9,4 \text{ g}$

Bài 2:

- $4\text{Fe} + 3\text{O}_2 \rightarrow 2\text{Fe}_2\text{O}_3$
- $2\text{K} + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{KOH} + \text{H}_2$ (1,4đ)

Bài 3(3đ): Số mol Zn. $n_{\text{Zn}} = 0,25 \text{ mol}$



- $n_{\text{H}_2} = n_{\text{Zn}} = 0,25 \text{ mol}$ Thể tích khí H₂ thoát ra (đktc).
 $V = n \cdot 22,4 = 0,25 \cdot 22,4 = 5,6 \text{ lít}$
 $= 2n_{\text{Zn}} = 0,5 \text{ mol}$
- Khối lượng axit clohidric (HCl) đã dùng cho phản ứng trên.
 $m_{\text{HCl}} = n \cdot M = 0,5 \cdot 36,5 = 18,25 \text{ g}$.

2.10. Đề thi giữa HK1 môn Hóa học 8 – Số 10

TRƯỜNG THCS LONG SƠN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Chỉ ra dãy nào chỉ gồm toàn vật thể tự nhiên

- A. Ấm nhôm, bình thủy tinh, nồi đất
- B. Xenlulozo, kẽm, vàng
- C. Bút chì, thước kẻ, tập sách
- D. Nước biển, ao, hồ, suối.

Câu 2: Chất tinh khiết là:

- A. Có tính chất không đổi
- B. Có lẫn thêm vài chất khác
- C. Gồm những phân tử đồng dạng
- D. Không lẫn tạp chất

Câu 3: Trong các dãy chất cho dưới đây, hãy cho biết dãy chất nào là chất tinh khiết?

- A. Nước, khí oxi, muối ăn, đường.
- B. Sữa, nước mắm, khí oxi, nước.
- C. Nước chanh, xăng, nhôm.
- D. Kẽm, muối ăn, không khí, nước.

Câu 4: Mỗi chất có những tính chất nhất định. Điều này đúng với loại chất gì?

- A. Chất tinh khiết.
- B. Đơn chất và hợp chất
- C. Với mọi chất.
- D. Chất trong hỗn hợp.

Câu 5: Muối ăn có lẫn cát, để tách muối ăn ra khỏi cát em hãy chọn phương pháp thích hợp nhất:

- A. Hoà tan- làm bay hơi- lọc.
- B. Lọc- làm bay hơi.
- C. Chung cất.
- D. Hoà tan - lọc -làm bay hơi.

Câu 6: Phương pháp lọc dùng để tách 1 hỗn hợp gồm:

- A. Nước với cát.
- B. Muối ăn với đường.
- C. Rượu với nước.
- D. Muối ăn với nước.

Câu 7: Hỗn hợp chất rắn nào sau đây có thể dễ tách riêng nhất bằng cách thêm nước vào rồi lọc:

- A. Muối ăn và cát.
- B. Muối ăn và đường.
- C. Cát và mật sắt.
- D. Đường và bột mì.

Câu 8: Hãy so sánh các tính chất: màu sắc, vị, tính tan trong nước, tính cháy được của các chất: muối ăn, đường, than

	Muối ăn	Đường	Than

Màu			
Vị			
Tính tan			
Tính cháy			

Chọn đáp án đúng**A.**

	Muối ăn	Đường	Than
Màu	trắng	trắng	không
Vị	Mặn	Ngọt	không
Tính tan	tan	tan	không
Tính cháy	không	cháy	cháy

B.

	Muối ăn	Đường	Than
Màu	trắng	trắng	đen
Vị	Mặn	Ngọt	không
Tính tan	tan	tan	không
Tính cháy	không	cháy	cháy

C.

	Muối ăn	Đường	Than
Màu	trắng	trắng	đen
Vị	Mặn	Ngọt	không
Tính tan	tan	tan	không
Tính cháy	không	không	cháy

D.

	Muối ăn	Đường	Than
--	---------	-------	------

Màu	trắng	trắng	đen
Vị	Mặn	Ngọt	không
Tính tan	tan	tan	không
Tính cháy	cháy	cháy	cháy

Câu 9: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

“Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ và (1)..... về điện. Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện tích dương và vỏ tạo bởi (2)..... mang (3).....”

- A. (1) trung hòa; (2) hạt nhân; (3) điện tích âm
- B. (1) trung hòa; (2) một hay nhiều electron; (3) không mang điện
- C. (1) không trung hòa; (2) một hạt electron; (3) điện tích dương
- D. (1) trung hòa; (2) một hay nhiều electron ; (3) điện tích âm

Câu 10: Chọn đáp án đúng nhất

- A. Số p = số e
- B. Hạt nhân tạo bởi proton và electron
- C. Electron không chuyển động quanh hạt nhân
- D. Electron sắp xếp thành từng lớp

Câu 11: Cho biết số p, số e, số lớp e và số e lớp ngoài cùng của nguyên tử (I)

- A. Số p = số e = 5
Số lớp e = 3
Số e lớp ngoài cùng = 3
- B. Số p = số e = 5
Số lớp e = 2
Số e lớp ngoài cùng = 3
- C. Số p là 5
Số e = số lớp e là 3
Số e lớp ngoài cùng là 2
- D. số p là 5
số e lớp ngoài cùng = số lớp e = 3
số e là 4

Câu 12: Chọn đáp án sai

- A. Khối lượng của hạt nhân được coi là khối lượng của nguyên tử
- B. Số $p =$ số e
- C. Hạt nhân tạo bởi proton và notron
- D. Oxi có số p khác số e

Câu 13: Vì sao khối lượng nguyên tử được coi bằng khối lượng hạt nhân. Chọn đáp án đúng

- A. Do proton và notron có cùng khối lượng còn electron có khối lượng rất bé
- B. Do số $p =$ số e
- C. Do hạt nhân tạo bởi proton và notron
- D. Do notron không mang điện

Câu 14: Điền từ vào chỗ trống

“Trong tự nhiên, hidro có một người anh em sinh đôi là (1)..... Nguyên tử (2)..... còn được gọi là “hidro (3).....”, chỉ khác có thêm 1 (4).....”

- A. 1- đotriti; 2- hidro; 3- nhẹ; 4- proton
- B. 1- triti; 2- hidro; 3-nặng; 4- electron
- C. 1- đoteri; 2- đoteri; 3-nặng; 4- notron
- D. 1- triti ; 2- hidro; 3- nhẹ ; 4- proton

Câu 17: Nguyên tử R có 3 lớp e, lớp ngoài cùng có 3e. Vậy tổng số electron của nguyên tử R là:

- A. 3
- B. 11
- C. 13
- D. 23

Câu 21: Cho nguyên tố O có nguyên tử khối là 16, Mg là 24. Nguyên tử nào nặng hơn

- A. Mg nặng hơn O
- B. Mg nhẹ hơn O
- C. O bằng Mg
- D. Mg lớn hơn hoặc bằng O

Câu 22: Cho nguyên tử của nguyên tố X có 11 proton. Chọn đáp án sai

- A. Đây là nguyên tố Natri
- B. Số e là 11 e
- C. Nguyên tử khối là 22
- D. Số thứ tự trong bảng tuần hoàn là 11

Câu 23: Cho nguyên tử khối của Bari là 137 . Tính khối lượng thực nguyên tố trên.

- A. $m_{Ba} = 2,2742 \cdot 10^{22} \text{kg}$
- B. $m_{Ba} = 2,234 \cdot 10^{-24} \text{g}$
- C. $m_{Ba} = 1,345 \cdot 10^{-23} \text{kg}$
- D. $m_{Ba} = 2,7298 \cdot 10^{-21} \text{g}$

Câu 24: Chọn đáp án sai

- A. số p là số đặc trưng của nguyên tố hóa học
- B. nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tố cùng loại, có cùng số p trong hạt nhân
- C. $1 \text{ đvC} = 1/12 m_C$
- D. Oxi là nguyên tố chiếm gần nửa khối lượng vỏ trái đất

D. Tất cả đáp án

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

1-D	2-D	3-A	4-A	5-D	6-A	7-A	8-A	9-D	10-A
11-B	12-C	13-A	14-A	15-A	16-B	17-C	18-A	19-A	20-A
21-A	22-C	23-D	24-B	25-D	26-C	27-D	28-B	29-C	30-B
31-D	32-B	33-A	34-D	35-A	36-A	37-B	38-A	39-A	40-C
41-B	42-C	43-A	44-A	45-A	46-A	47-A	48-A	49-B	50-A